

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*“V/v: Công bố Báo cáo tài chính  
bán niên năm 2015 đã soát xét”.*

*Bà Rịa, ngày 14 tháng 08 năm 2015*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT (TRC)**

Mã Chứng khoán: TNC

Trụ sở chính: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823119

Fax: 0643 823120

Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điện thoại: 0643 823121

Fax: 0643 823120

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

*Báo cáo tài chính đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán BDO tại TP.Hồ Chí Minh  
soát xét cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 12 tháng 08  
năm 2015*

*Thông tin này đã được công bố trên website của TRC tại địa chỉ: <https://www.trcbrvt.com>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



*Lê Văn Lợi*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được soát xét  
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-2
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-25



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**1. Công ty**

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoai	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

1333  
CHI  
ÔNG,  
KIỂM  
B  
SI TP. H  
/ - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  


**Ông LÊ VĂN LỢI**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2015

57-0  
HÀNH  
CỠ TỶ  
TOÁN  
ĐỒ  
CHỈ  
HỒ

Số : TNRUB/014.HCM.15-SX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty") lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cao su Thống Nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



**NGUYỄN THỊ THANH**  
**Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1

**TRẦN THỊ MAI HƯƠNG**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0417-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>203.151.949.927</b>	<b>204.148.425.177</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>148.204.931.951</b>	<b>144.159.013.233</b>
Tiền	111		37.856.348.618	33.943.506.384
Các khoản tương đương tiền	112		110.348.583.333	110.215.506.849
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>10.327.287.672</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.327.287.672	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.608.974.620</b>	<b>8.650.980.811</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	11.958.618.021	10.853.448.772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		899.563.500	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	3.553.476.448	2.670.215.388
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(4.802.683.349)	(4.902.683.349)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>27.902.193.547</b>	<b>27.796.557.392</b>
Hàng tồn kho	141		28.263.648.696	29.252.873.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(361.455.149)	(1.456.316.416)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.108.562.137</b>	<b>13.541.873.741</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	4.219.187.167	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	889.374.970	13.541.873.741
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>126.363.790.348</b>	<b>128.456.517.333</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.998.133.802</b>	<b>58.999.011.273</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	49.686.467.136	58.659.011.273
Nguyên giá	222		104.081.599.222	119.813.303.767
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.395.132.086)	(61.154.292.494)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	311.666.666	340.000.000
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.333.334)	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.273.600.708</b>	<b>42.291.884.185</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.6	682.843.977	457.474.841
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	48.590.756.731	41.834.409.344
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>26.811.175.704</b>	<b>26.811.175.704</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	26.811.175.704	26.811.175.704
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>280.880.134</b>	<b>354.446.171</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		280.880.134	354.446.171
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>329.515.740.275</b>	<b>332.604.942.510</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>31.128.925.864</b>	<b>29.852.252.569</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.128.925.864</b>	<b>29.852.252.569</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	22.038.958.712	2.348.150.876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632.600.000	1.551.690.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	190.324.314	981.198.728
Phải trả người lao động	314		1.610.064.084	6.574.982.694
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	1.460.853.627	14.405.535.519
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	1.870.745.482	1.658.411.268
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		626.315.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16	2.699.064.645	2.332.283.484
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>298.386.814.411</b>	<b>302.752.689.941</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>298.386.814.411</b>	<b>302.752.689.941</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		88.842.395.456	86.277.191.739
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.044.418.955	23.975.498.202
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>329.515.740.275</b>	<b>332.604.942.510</b>



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Người lập bảng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG  
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI  
Tổng giám đốc  
TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2015

13337  
CHI N  
ÔNG T  
KIỂM  
B  
TP. H  
I - TP



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>39.917.061.186</b>	<b>30.864.660.946</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>39.917.061.186</b>	<b>30.864.660.946</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>39.089.257.481</b>	<b>30.296.012.080</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>827.803.705</b>	<b>568.648.866</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.402.643.266	8.709.940.546
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.4	39.742.680	93.895.743
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	5.006.677.397	4.572.369.500
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.815.973.106)</b>	<b>4.612.324.169</b>
Thu nhập khác	31	5.6	17.377.309.656	8.833.527.513
Chi phí khác	32	5.7	5.341.142.741	258.087.121
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>12.036.166.915</b>	<b>8.575.440.392</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.220.193.809</b>	<b>13.187.764.561</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	1.895.865.622	1.924.947.504
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>8.324.328.187</b>	<b>11.262.817.057</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	432	585

*Uoa*

*nhuel*



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG  
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI  
Tổng giám đốc  
TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	10.220.193.809	13.187.764.561
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.882.059.147	3.445.737.217
Các khoản (hoàn nhập)/ dự phòng	03	(1.104.208.754)	1.043.240.423
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.788.550.923)	(17.206.755.631)
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(7.790.506.721)</b>	<b>469.986.570</b>
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(3.686.493.809)	13.835.495.236
Giảm hàng tồn kho	10	673.203.463	11.705.750.844
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	14.979.147.344	(5.416.305.811)
Tăng chi phí trả trước	12	(4.145.621.130)	(6.467.400.763)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.346.727.061)	(1.316.303.135)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.450.930.000)	(6.068.530.374)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.767.927.914)</b>	<b>6.742.692.567</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.789.074.660)	(3.398.361.708)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.521.960.698	10.496.085.418
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.671.855.594	8.547.968.324
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>19.404.741.632</b>	<b>15.645.692.034</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.590.895.000)	(26.959.649.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.590.895.000)</b>	<b>(26.959.649.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ</b>	<b>50</b>	<b>4.045.918.718</b>	<b>(4.571.264.399)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ</b>	<b>60</b>	<b>144.159.013.233</b>	<b>139.520.497.552</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ</b>	<b>70</b>	<b>148.204.931.951</b>	<b>134.949.233.153</b>

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG  
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI  
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, số lượng công nhân viên của Công ty là 495 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 562 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.



### **3.6 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)**

#### *Vườn cây cao su*

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

#### *Xây dựng cơ bản dở dang khác*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### **3.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Các chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc trong khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong khoảng thời gian trên 1 năm.

### **3.8 Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

### **3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

### **3.10 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### **3.11 Quỹ tiền lương**

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 3.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### 3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với Nông trường Hòa Bình 2, Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non, Nông trường Phong Phú và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú thực hiện tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty được miễn thuế thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm (năm 2006, 2007 và năm 2008) và giảm 50% trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2016).

### 3.14 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Nguyễn Văn Thoại	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.217.471.823	2.188.772.225
Tiền gửi ngân hàng – VND	36.585.161.247	31.701.046.200
Tiền gửi ngân hàng – USD	53.715.548	53.687.959
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng – VND	110.348.583.333	110.215.506.849
	<b>148.204.931.951</b>	<b>144.159.013.233</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.512,41 USD tương đương với 53.715.548 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 5,00%/năm.

**4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND	<b>10.327.287.672</b>	<b>10.000.000.000</b>

**4.3 Phải thu khách hàng**

	30/05/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu thương mại – Bên thứ ba (*)	11.954.423.271	10.797.410.482
Phải thu thương mại – Bên liên quan	4.194.750	56.038.290
	<b>11.958.618.021</b>	<b>10.853.448.772</b>

(\*) Trong đó bao gồm 4.219.180.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 165.683.349 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long. Các khoản phải thu khó đòi này đã được lập dự phòng.

**4.4 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Lãi dự thu	-	596.500.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	42.500.000	274.500.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	241.222.148
Tạm ứng cho người lao động	1.996.694.092	141.139.933
Ký quỹ thuê xe	155.000.000	485.000.000
Phải thu khác (*)	1.359.282.356	931.853.307
	<b>3.553.476.448</b>	<b>2.670.215.388</b>

(\*) Trong đó bao gồm 417.820.000 VND là khoản trả trước cho Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	4.902.683.349	4.937.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(100.000.000)	(34.316.651)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>4.802.683.349</b>	<b>4.902.683.349</b>

**4.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn:</b>		
Nguyên vật liệu	24.640.172.796	1.752.328.701
Công cụ dụng cụ	886.099.697	639.438.773
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.877.217.218	-
Thành phẩm	857.928.985	26.858.876.334
Hàng hóa	2.230.000	2.230.000
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>28.263.648.696</b>	<b>29.252.873.808</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(361.455.149)	(1.456.316.416)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>27.902.193.547</b>	<b>27.796.557.392</b>
<b>Dài hạn:</b>		
Vườn ươm cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	682.843.977	457.474.841

Tình hình trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	1.456.316.416	-
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng trong kỳ/năm	(1.004.208.754)	2.499.556.839
Xử lý hủy hàng	(90.652.513)	(1.043.240.423)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>361.455.149</b>	<b>1.456.316.416</b>

**4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí phát sinh ngoài vụ	4.219.187.167	-

Chi phí phát sinh ngoài vụ bao gồm: tiền thuê đất và chi phí khác phát sinh ngoài vụ (6 tháng đầu năm 2015), các chi phí này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong vụ (6 tháng cuối năm 2015).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4.8 Thuế**

*Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước*

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền thuê đất (tạm nộp)	-	13.541.873.741
Thuế thu nhập cá nhân (nộp thừa)	127.737.017	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp thừa)	761.637.953	-
	<b>889.374.970</b>	<b>13.541.873.741</b>

*Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.665.705
Thuế GTGT hàng bán nội địa	189.890.514	284.503.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	689.223.486
Thuế khác	433.800	805.800
	<b>190.324.314</b>	<b>981.198.728</b>

**4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Công VND
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư 01/01/2015	39.647.353.784	21.047.141.479	3.653.103.507	1.092.022.320	54.373.682.677	119.813.303.767
Tăng từ XDCB	-	-	67.000.001	-	-	67.000.001
Mua sắm trong kỳ	-	32.727.273	-	-	-	32.727.273
Thanh lý trong kỳ	-	(4.869.298.695)	-	-	(10.962.133.124)	(15.831.431.819)
Số dư 30/06/2015	<b>39.647.353.784</b>	<b>16.210.570.057</b>	<b>3.720.103.508</b>	<b>1.092.022.320</b>	<b>43.411.549.553</b>	<b>104.081.599.222</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư 01/01/2015	28.256.955.001	13.092.412.639	3.524.908.123	1.046.859.516	15.233.157.215	61.154.292.494
Khấu hao trong kỳ	1.129.506.808	780.891.456	44.210.854	14.701.364	899.907.887	2.869.218.369
Thanh lý trong kỳ	-	(2.711.930.395)	-	-	(6.916.448.382)	(9.628.378.777)
Số dư 30/06/2015	<b>29.386.461.809</b>	<b>11.161.373.700</b>	<b>3.569.118.977</b>	<b>1.061.560.880</b>	<b>9.216.616.720</b>	<b>54.395.132.086</b>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Ngày 01/01/2015	11.390.398.783	7.954.728.840	128.195.384	45.162.804	39.140.525.462	58.659.011.273
Ngày 30/06/2015	<b>10.260.891.975</b>	<b>5.049.196.357</b>	<b>150.984.531</b>	<b>30.461.440</b>	<b>34.194.932.833</b>	<b>49.686.467.136</b>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 23.517.007.907 VND (31 tháng 12 năm 2014 là 23.195.981.581 VND).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 28.447.862 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 287.237.484 VND và 22.613.624 VND.

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Hòa Bình 2	66.462	10.962.133.124	6.916.448.382	4.045.684.742

**4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2015	340.000.000
Vào ngày 30/06/2015	<b>340.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2015	-
Khấu hao trong kỳ	28.333.334
Vào ngày 30/06/2015	<b>28.333.334</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2015	340.000.000
Vào ngày 30/06/2015	<b>311.666.666</b>

**4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2015 VND	Tăng VND	Kết chuyển TSCĐ VND	30/06/2015 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	32.448.211.498	5.884.011.386	-	38.332.222.884
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	9.328.288.755	576.903.919	-	9.905.192.674
Chi phí xây dựng cơ bản khác	57.909.091	362.432.083	(67.000.001)	353.341.173
	<b>42.291.884.185</b>	<b>6.823.347.388</b>	<b>(67.000.001)</b>	<b>48.590.756.731</b>

**4.12 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	<b>26.811.175.704</b>	<b>26.811.175.704</b>

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4.13 Phải trả người bán**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	21.782.638.712	2.348.150.876
Phải trả cho người bán – bên liên quan (thuyết minh 8.1)	256.320.000	-
	<b>22.038.958.712</b>	<b>2.348.150.876</b>

**4.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí ăn giữa ca	-	143.689.000
Chi phí thuê đất	1.386.853.627	14.206.846.519
Chi phí khác	74.000.000	55.000.000
	<b>1.460.853.627</b>	<b>14.405.535.519</b>

**4.15 Phải trả khác**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	45.217.450	-
Kinh phí công đoàn	29.139.294	-
Cổ tức phải trả	1.138.281.268	1.104.176.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	270.730.000	282.241.300
Phải trả khác (*)	387.377.470	271.993.700
	<b>1.870.745.482</b>	<b>1.658.411.268</b>

(\*) Trong đó bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

**4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ/ năm	2.332.283.484	3.541.219.287
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	2.665.203.717	4.721.800.308
Sử dụng quỹ trong kỳ/ năm	(2.282.930.000)	(5.899.751.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(15.492.556)	(30.985.111)
<b>Số dư cuối kỳ/ năm</b>	<b>2.699.064.645</b>	<b>2.332.283.484</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4.17 Vốn chủ sở hữu**

**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
<b>Năm trước</b>				
Số dư 01/01/2014	192.500.000.000	77.774.987.439	45.942.133.235	316.217.120.674
Lợi nhuận trong năm (*)	-	-	18.550.447.479	18.550.447.479
Tăng khác	-	-	286.495.470	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	8.502.204.300	(8.502.204.300)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
Chia cổ tức	-	-	(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(629.573.374)	(629.573.374)
<b>Số dư 31/12/2014</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>86.277.191.739</b>	<b>23.975.498.202</b>	<b>302.752.689.941</b>

<b>Kỳ này</b>				
Số dư 01/01/2015	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8.324.328.187	8.324.328.187
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.665.203.717)	(2.665.203.717)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Số dư 30/06/2015</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>88.842.395.456</b>	<b>17.044.418.955</b>	<b>298.386.814.411</b>

Trong kỳ, các quỹ Đầu tư phát triển và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 4 tháng 5 năm 2015.

(\*) Khoản lợi nhuận trong năm 2014 có điều chỉnh hồi tố và tăng thêm là 1.049.089.367 VND, do được tiếp tục hưởng ưu đãi (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với hoạt động sản xuất tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc) và khoản lợi nhuận do ưu đãi về giảm thuế này được dùng trích lập quỹ đầu tư phát triển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)**

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ/năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong kỳ/năm	9.625.000.000	26.950.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 4 tháng 5 năm 2015, cổ tức năm 2014 được chia theo tỷ lệ 5% (2013: 14%).

**Cổ phiếu**

- Cổ phiếu phổ thông

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán mủ cao su	34.351.793.500	22.902.392.400
Doanh thu bán thức ăn gia súc	35.534.286	2.633.648.546
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	5.529.733.400	5.328.620.000
	<b>39.917.061.186</b>	<b>30.864.660.946</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>39.917.061.186</b>	<b>30.864.660.946</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.2 Giá vốn hàng bán**

*Phân loại theo tính chất*

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn bán mũ cao su	33.810.382.706	22.978.073.586
Giá vốn thức ăn gia súc	42.315.696	3.196.753.308
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	5.236.559.079	4.121.185.186
	<b>39.089.257.481</b>	<b>30.296.012.080</b>

*Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố*

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.832.037.416	935.549.374
Chi phí nhân công	6.411.863.308	5.738.695.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.521.959.117	3.325.789.796
Chi phí dụng cụ sản xuất	200.963.514	251.926.016
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.004.208.754)	1.043.240.423
Chi phí gia công	3.837.669.868	3.085.200.199
Chi phí khác	1.161.624.881	1.639.934.025
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(1.877.217.218)	(1.131.947.233)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	26.004.565.349	15.407.624.286
	<b>39.089.257.481</b>	<b>30.296.012.080</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.402.643.266	4.218.605.285
Cổ tức được chia	-	4.491.335.261
	<b>2.402.643.266</b>	<b>8.709.940.546</b>

**5.4 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí bốc xếp	39.742.680	31.519.338
Chi phí khuyến mãi	-	62.376.405
	<b>39.742.680</b>	<b>93.895.743</b>

3707-1  
 NHẬP  
 T Y T  
 M T O J  
 Đ O  
 H U C H I  
 P. H O

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.659.097.347	1.872.161.169
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	21.936.733	66.887.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.697.284	119.947.421
Thuế, phí và lệ phí	13.990.521	9.000.000
Trợ cấp thôi việc	948.501.500	1.201.845.875
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(100.000.000)	-
Chi phí quảng cáo	12.300.000	19.090.909
Chi phí tiếp khách	59.362.254	102.156.153
Chi phí điện thoại	53.191.146	44.715.289
Chi phí thuê xe	212.870.642	334.193.137
Chi phí khác	992.729.970	802.372.297
	<b>5.006.677.397</b>	<b>4.572.369.500</b>

**5.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu thanh lý cây cao su	22.192.806.000	10.500.903.600
Thu thanh lý tài sản cố định	1.632.894.709	42.000.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(6.203.053.042)	(1.999.270.333)
Chi phí thanh lý tài sản	(303.740.011)	(46.818.182)
Thu khác	58.402.000	336.712.428
	<b>17.377.309.656</b>	<b>8.833.527.513</b>

**5.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	227.402.746	-
Chi phí lãi phạt chậm nộp về cổ phần hóa và cổ tức	4.883.096.874	-
Chi phí khác	230.643.121	258.087.121
	<b>5.341.142.741</b>	<b>258.087.121</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	10.220.193.809	13.187.764.561
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	5.122.790.116	53.332.079
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	-	(4.491.335.261)
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>15.342.983.925</b>	<b>8.749.761.379</b>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (22%x50%)	1.479.590.841	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (22%)	416.274.781	1.924.947.504
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.895.865.622</b>	<b>1.924.947.504</b>

**5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.324.328.187	11.262.817.057
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.250.000 CP	19.250.000 CP
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>432 VND/CP</b>	<b>585 VND/CP</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thực ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Thực ăn gia súc		Gỗ	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
Doanh thu bán cho bên ngoài	34.387	22.902	5.530	5.329	-	2.634	39.917	30.865
Giá vốn	(33.853)	(22.978)	(5.237)	(4.121)	-	(3.197)	(39.090)	(30.296)
Chi phí bán hàng	(40)	(7)	-	(10)	-	(77)	(40)	(94)
<b>Kết quả bộ phận</b>	<b>494</b>	<b>(83)</b>	<b>293</b>	<b>1.198</b>	-	<b>(640)</b>	<b>787</b>	<b>475</b>
Chi phí không phân bổ							(5.006)	(4.572)
Doanh thu tài chính	12.036	8.575					2.403	8.710
Lợi nhuận khác							12.036	8.575
Thuế TNDN							(1.896)	(1.925)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>8.324</b>	<b>11.263</b>
Chi phí mua sắm tài sản	7.081	2.304	-	-	-	-	7.081	2.304
Chi phí khấu hao	2.716	2.900	166	204	-	342	2.882	3.446

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Thực ăn gia súc		Gỗ	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
Tài sản bộ phận	305.412	323.573	24.104	3.983	-	5.049	329.516	332.605
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng tài sản</b>	<b>305.412</b>	<b>323.573</b>	<b>24.104</b>	<b>3.983</b>	-	<b>5.049</b>	<b>329.516</b>	<b>332.605</b>
Nợ phải trả bộ phận	13.040	29.248	18.089	831	-	822	31.129	30.901
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>13.040</b>	<b>29.248</b>	<b>18.089</b>	<b>831</b>	-	<b>822</b>	<b>31.129</b>	<b>30.901</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

## 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.205	144.159	148.205	144.159
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.327	10.000	10.327	10.000
Phải thu khách hàng	7.156	5.951	7.156	5.951
Phải thu khác	3.553	2.670	3.553	2.670
	<b>169.241</b>	<b>162.780</b>	<b>169.241</b>	<b>162.780</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	22.039	2.348	22.039	2.348
Các khoản phải trả khác	2.193	14.960	2.193	14.960
	<b>24.232</b>	<b>17.308</b>	<b>24.232</b>	<b>17.308</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

57-005  
 HÀNH  
 TỶ TNHH  
 TOÁN  
 Đ  
 CHỈ MINH  
 HỘ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<b>Công ty TNHH Hưng Nhơn</b> Bán cây cao su thanh lý	62.160.000	63.470.000
<b>Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng</b> Mua nguyên liệu	450.120.000	-
<b>Châu Thị Hồng Điệp</b> Gia công mũ Mua mũ	8.828.610 518.347.500	10.016.400 -
<b>Công ty TNHH Lê Danh</b> Mua nhiên liệu	587.920.000	437.904.620
<b>Nguyễn Văn Thoại</b> Thuê xe	144.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Châu Thị Hồng Điệp</b> Phải thu thương mại	4.194.750	56.038.290
<b>Công ty TNHH Lê Danh</b> Phải trả thương mại	256.320.000	-
<b>Nguyễn Văn Thoại</b> Phải trả khác	24.000.000	-

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.007.354.142</u>	<u>1.099.832.160</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

**8.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính kỳ hiện hành được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của bộ tài chính. Theo đó, một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện hành, chi tiết như sau:

Khoản mục	Số liệu trên		Điều chỉnh phân loại lại (giảm)/tăng	Số liệu đầu năm/kỳ phân loại lại (01/01/2015)	
	Mã số	VND		VND	Mã số
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Hàng tồn kho	141	29.710.348.649	(457.474.841)	141	29.252.873.808
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	230	41.834.409.344	457.474.841	241	42.291.884.185
Tài sản ngắn hạn khác	158	626.139.933	(626.139.933)	155	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.044.075.455	626.139.933	136	2.670.215.388
Vay và nợ ngắn hạn	311	247.426.902	(247.426.902)	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	1.410.984.366	247.426.902	319	1.658.411.268
Quỹ dự phòng tài chính	418	14.104.995.493	(14.104.995.493)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	71.123.106.879	14.104.995.493	418	85.228.102.372
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Thu nhập khác	31	10.879.616.028	(2.046.088.515)	31	8.833.527.513
Chi phí khác	32	2.304.175.636	(2.046.088.515)	32	258.087.121

**8.3 Điều chỉnh hồi tố**

Việc điều chỉnh hồi tố liên quan đến việc điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2014 là 1.049.089.367 VND như đã được đề cập tại mục 4.18 của thuyết minh này, việc điều chỉnh này làm thay đổi số liệu so sánh như sau :

Khoản mục	Số liệu đầu năm		Điều chỉnh hồi tố (giảm)/tăng	Số liệu sau điều chỉnh (01/01/2015)	
	(sau khi phân loại lại)	VND		VND	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.030.288.095	(1.049.089.367)		981.198.728
Quỹ đầu tư phát triển		85.228.102.372	1.049.089.367		86.277.191.739

*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
 Người lập bảng

**NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**  
 Kế toán trưởng

**LÊ VĂN LỢI**  
 Tổng Giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 8 năm 2015